

**VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI**

ĐÀO LÊ HÒA AN

**HÌNH ẢNH CÁI TÔI CỦA SINH VIÊN QUA
FACEBOOK CÁ NHÂN**

Chuyên ngành: Tâm lý học chuyên ngành

Mã số: 62310401

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ TÂM LÝ

HÀ NỘI - 2018

Công trình được hoàn thành tại: Học viện Khoa học Xã hội –
Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam

Người hướng dẫn khoa học: 1. PGS.TS Phan Thị Mai Hương

2. PGS.TS Huỳnh Văn Sơn

Phản biện 1: PGS.TS. Nguyễn Hồi Loan

Phản biện 2: PGS.TS. Phan Thanh Long

Phản biện 3: PGS.TS. Mạc Văn Trang

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp Học viện họp tại: Hội trường, Học viện Khoa học xã hội, 477 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội vào hồi giờ ... phút, ngày tháng năm 2018.

Có thể tìm hiểu luận án tại thư viện:

- Thư viện Quốc gia Việt Nam
- Thư viện Học viện Khoa học xã hội

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Facebook (FB) thường được xem như trang Mạng xã hội dẫn đầu bởi người dùng ở độ tuổi thanh thiếu niên. FB giúp người dùng dễ dàng thể hiện bản thân, kết nối bạn bè, tiếp nhận thông tin, học hỏi kiến thức và kỹ năng, bày tỏ quan điểm cá nhân về một vấn đề nào đó trong cuộc sống... thông qua chức năng đăng tải hồ sơ cá nhân, hình ảnh, dòng trạng thái, bình luận, các lượt yêu thích...

Sinh viên (SV) - lực lượng trí thức trẻ, những người thường xuyên sử dụng FB cá nhân như một công cụ giao tiếp xã hội, trình diễn bản thân, thể hiện quan điểm, tính cách, thái độ, tình cảm cá nhân... Điều này có ảnh hưởng đến hình ảnh hiện tại cũng như tương lai của chính các bạn trong các mối quan hệ xã hội - cuộc sống.

Một điều đáng quan tâm là các nghiên cứu về hình ảnh cái tôi (HACT) của SV tập trung nhiều vào thế giới thực, còn trên thế giới ảo cụ thể là trang FB cá nhân thì chưa được quan tâm nhiều ở Việt Nam.

Xuất phát từ những lý do trên, tác giả đã lựa chọn đề tài: **“Hình ảnh cái tôi của sinh viên qua FB cá nhân”**.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu:

Nghiên cứu thực hiện nhằm đối chiếu cấu trúc của HACT đã được phát hiện qua lý thuyết với HACT SV giới thiệu qua FB cá nhân, đồng thời giúp SV nâng cao nhận thức về xây dựng HACT trên FB phù hợp hơn.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu:

- Tổng quan tài liệu về HACT của SV qua FB cá nhân.

- Hệ thống hóa cơ sở lý luận về HACT của SV qua FB cá nhân.

- Làm rõ thực trạng biểu hiện HACT của SV qua FB cá nhân và các yếu tố có liên quan đến thực trạng này.

- Đề xuất một số khuyến nghị giúp SV nâng cao nhận thức về việc xây dựng HACT qua FB cá nhân theo hướng tích cực.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu:

HACT của SV qua FB cá nhân và các yếu tố có liên quan.

3.2. Phạm vi nghiên cứu:

- Về khách thể nghiên cứu: Nghiên cứu được thực hiện chỉ trên các khách thể tự nguyện tham gia nghiên cứu. Cụ thể, đã có 204 SV tự nguyện tham gia nghiên cứu và 204 trang FB cá nhân của họ.

- Về địa bàn nghiên cứu: Tập trung chủ yếu ở 6 trường đại học và cao đẳng: ĐH Sư phạm TP.HCM, ĐH Ngân Hàng TP.HCM, CĐ Tài chính Hải quan, CĐ Sonadezi, ĐH Hoa Sen, ĐH Văn Hiến.

4. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

4.1. Phương pháp luận:

Nghiên cứu được thực hiện dựa trên cơ sở lý luận của tâm lý học xã hội và tâm lý học nhân cách, nguyên tắc hoạt động, nguyên tắc hệ thống, nguyên tắc phát triển.

4.2. Các phương pháp nghiên cứu cụ thể:

Phương pháp (PP) nghiên cứu tài liệu; PP nghiên cứu hồ sơ (FB cá nhân); PP điều tra bằng bảng hỏi; PP phỏng vấn sâu; PP quan sát; PP nghiên cứu trường hợp; PP thống kê toán học, PP phân tích nội dung.

5. Đóng góp mới về khoa học của luận án

Về mặt lý luận, đề tài đã chỉ ra khái niệm và đặc điểm của HACT trên FB, bổ sung thêm khía cạnh mới cho cấu trúc HACT của

SV thể hiện qua FB cá nhân của họ. Đồng thời, phát hiện khả năng tác động của các yếu tố cá nhân và tâm lý xã hội đến xu hướng thể hiện HACT trên FB của SV. Về mặt thực tiễn, luận án chỉ ra thực trạng HACT của SV qua FB cá nhân, mức độ ảnh hưởng của các yếu tố cá nhân và tâm lý xã hội đến việc thể hiện HACT của SV qua FB cá nhân. Luận án đã đề xuất một số khuyến nghị nhằm nâng cao nhận thức của SV về việc thể hiện HACT một cách tích cực trên FB.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án

Về ý nghĩa lý luận, luận án được sử dụng làm tài liệu tham khảo phục vụ công tác nghiên cứu, học tập của giảng viên, SV các trường đại học.

Về ý nghĩa thực tiễn, kết quả nghiên cứu luận án là tài liệu tham khảo, hỗ trợ các tổ chức, đoàn thể, cơ quan giáo dục, truyền thông trong lĩnh vực rèn luyện và đào tạo các kỹ năng sống.

7. Cơ cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, kiến nghị, các công trình công bố, tài liệu tham khảo, phụ lục, nội dung luận án gồm 4 chương: Chương 1: Tổng quan nghiên cứu về HACT của SV qua FB cá nhân; Chương 2: Cơ sở lý luận về HACT của SV qua FB cá nhân; Chương 3: Tổ chức và phương pháp nghiên cứu; Chương 4: Kết quả nghiên cứu thực tiễn biểu hiện HACT của SV qua Facebook cá nhân.

Chương 1

TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU VỀ HÌNH ẢNH CÁI TÔI CỦA SINH VIÊN QUA FACEBOOK CÁ NHÂN

1.1. Các nghiên cứu về hình ảnh cái tôi

Ở nước ngoài, có nhiều công trình nghiên cứu từ các góc độ khác nhau về HACT như:

Nghiên cứu về bản chất và cấu trúc của HACT khá đa dạng. Theo John Turner (1968) thì HACT bao gồm ít nhất hai "cấp": một bản sắc cá nhân và một xã hội. Theo Morris Rosenberg (1979) thì HACT bao gồm 3 mặt: bản sắc xã hội, tập hợp các vai trò, và các khuynh hướng của cá thể. Còn Wylie (1974), Lynch (1981), Myers (1992), Berger (1994) thì đồng quan điểm rằng HACT gồm ba yếu tố: cái tôi thực tế, cái tôi lý tưởng, cái tôi bắt buộc.

HACT có đặc điểm, vai trò, chức năng là: có được thông qua trải nghiệm, có tổ chức, và năng động (Purkey, William W. (1988)).

Những yếu tố tác động đến sự hình thành HACT là: gia đình, thể thao, học thuật, các hoạt động ngoại khóa, bạn bè, công việc làm thêm và hình ảnh bản thân (Lisa (2000)); sự tương tác của cá nhân với những cá nhân khác, nhóm xã hội mà cá nhân thuộc về, vai trò, niềm tin và nhân cách (Beebe và cộng sự (2002)); tuổi, giới tính, mức độ nghiêm trọng bệnh, và tầm vóc cơ thể (Boyle, Alaina E. (2013)).

Ở Việt Nam, đã tìm hiểu về một số lĩnh vực liên quan đến HACT như sự tự đánh giá và tự ý thức qua nghiên cứu của Đỗ Ngọc Khanh và Văn Thị Kim Cúc dù chưa đề cập trực tiếp đến HACT.

1.2. Các nghiên cứu về hình ảnh cái tôi của sinh viên

Ở nước ngoài, năm 2010, trong bài nghiên cứu về HACT của SV của Xiaofeng Zhang đã chỉ ra sự khác biệt giữa HACT của SV nam và SV nữ. Năm 2012, Anne B. Crabbe đã có bài viết 10 hoạt động

giúp cải thiện HACT của SV. Năm 2013, kết quả nghiên cứu của Archana Kumari, S. Chamundeswari đã phát hiện HACT và những thành tựu học tập của SV năm 2 ở những trường Đại học trọng điểm.

Ở Việt Nam còn nghiên cứu khá ít về vấn đề này. Những nghiên cứu về HACT của SV tập trung tìm hiểu một phần nhỏ trong HACT là sự tự đánh giá. Tuy nhiên, những đề tài đã có chủ yếu là các luận văn Thạc sĩ. Hiện tại, chưa có công trình nghiên cứu đề cập đến HACT của SV một cách hệ thống và khoa học dưới góc độ tâm lý học. Điều này cho thấy nghiên cứu HACT của SV ở Việt Nam là một nghiên cứu mới mang tính khám phá nhất định ở Việt Nam.

1.3. Các nghiên cứu về hình ảnh cái tôi của SV qua FB cá nhân

Ở nước ngoài, nghiên cứu của Gil-Or và các cộng sự (2015) cho thấy rằng sự sai lệch giữa HACT trên FB và ngoài đời thực có thể là biểu hiện của các hành vi có vấn đề tâm lý nghiêm trọng của người dùng. Nghiên cứu của Wong (2012) cho thấy SV có xu hướng tương tác với bạn bè hơn là cập nhật về bản thân trên FB. Garner J, O'Sullivan H (2010) cho rằng hình ảnh và thông tin thể hiện trên FB có thể tác động tới uy tín nghề nghiệp và tính chuyên môn của SV y khoa. Năm 2013, Aslam HM và cộng sự cho rằng có những SV sẵn sàng “hy sinh” sức khỏe, đời sống xã hội thực, việc học để có cảm giác thỏa mãn sau khi sử dụng Facebook. Ở Việt Nam, năm 2015, nghiên cứu của tác giả Trần Hữu Luyện và cộng sự cho thấy SV sử dụng MXH nhiều hơn cho nhu cầu giao tiếp, giải trí và tăng cường hiểu biết xã hội. Như vậy, nghiên cứu này trả lời cho câu hỏi HACT của SV trên thế giới ảo FB, biểu hiện, cấu trúc của nó có khác hay giống gì với các kết quả đã được phát hiện qua lý thuyết, cũng như khám phá các yếu tố ảnh hưởng đến HACT của SV qua FB cá nhân.

Chương 2

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ HÌNH ẢNH CÁI TÔI CỦA SINH VIÊN QUA FACEBOOK CÁ NHÂN

2.1. Các khái niệm cơ bản

- *Hình ảnh*: là bức tranh chủ quan về thế giới khách quan, phản ánh thế giới khách quan của chủ thể.

- *Cái tôi*: là tập hợp những ý niệm về chính bản thân mình của mỗi cá nhân. Đó là cái bản chất nhất của nhân cách con người, có nhiều mặt, và có những đặc tính riêng thể hiện rõ những đặc điểm tâm lý của con người thông qua hoạt động.

- *HACT*: là bức tranh chủ quan phản ánh tập hợp những ý niệm về chính bản thân của mỗi cá nhân.

- *FB cá nhân*: là trang mạng xã hội của riêng từng người, cần có mật khẩu riêng nếu muốn truy cập. Đây là công cụ để mỗi cá nhân thể hiện mình theo cách họ muốn.

- *SV*: là những người đang theo học ở các trường đại học, cao đẳng, nơi đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu của xã hội.

- *HACT của SV qua FB cá nhân*: là bức tranh chủ quan phản ánh tập hợp những ý niệm về chính bản thân những người đang theo học ở các trường đại học, cao đẳng, được giới thiệu qua trang FB cá nhân của riêng họ.

2.2. Các khía cạnh biểu hiện của hình ảnh cái tôi qua facebook cá nhân

Trên cơ sở phân tích những điểm giống nhau và khác nhau về những lý thuyết của Kuhn, L' Ecuyer, Shavelson và cộng sự,

Sordes-Ader và đồng sự, Karteroliotis K,... đề tài xác định HACT của SV qua FB cá nhân gồm những mặt sau đây:

a. HACT - vật chất (cái tôi - nhận diện bề ngoài)

Là bức tranh chủ quan phản ánh các đặc điểm về ngoại hình, điều kiện thể chất, sức khỏe qua các đặc trưng như cân nặng, chiều cao, kiểu tóc, kiểu ăn mặc... và cũng bao gồm những gì (vật chất, con người) mà cá nhân đó sở hữu được thể hiện qua hồ sơ cá nhân, dòng trạng thái, hình ảnh đăng tải trên FB.

b. HACT - xã hội

Là bức tranh chủ quan phản ánh các mối quan tâm, thái độ, mối liên hệ của cá nhân với xã hội, các tương tác với bạn bè, gia đình và người xung quanh. HACT xã hội được thể hiện trên FB thông qua các bình diện: Các mối quan hệ xã hội, tình trạng quan hệ, quan điểm, thái độ chính trị xã hội, quan điểm tôn giáo, quan điểm sống... của SV. Các tính năng của FB cho phép người dùng thể hiện HACT xã hội thông qua sự lựa chọn giới thiệu trạng thái mối quan hệ (Relationship), kết bạn (Add friend) hoặc hủy kết bạn (Unfriend) với người khác, chức năng đăng tải dòng trạng thái hoặc hình ảnh.

c. HACT - cảm xúc

Là bức tranh chủ quan phản ánh những rung động, rung cảm của con người với sự vật hiện tượng có liên quan đến việc thoả mãn hay không thoả mãn những nhu cầu cá nhân. Về phần mình, FB cho phép SV cập nhật trạng thái cảm xúc với tính năng “Bạn đang cảm thấy thế nào” với hàng trăm gợi ý đa dạng về các trạng thái cảm xúc (yêu, ghét, chán chường, hạnh phúc, vui vẻ, hãnh diện, xấu hổ...). Bên cạnh đó, dòng trạng thái, hình ảnh đăng tải cho phép SV mô tả chi tiết, rõ ràng, sống động hơn về trạng thái cảm xúc của bản thân.

d. HACT - tương lai

Là bức tranh chủ quan phản ánh tập hợp ý niệm biểu tượng của cá nhân định hướng đến khoảng thời gian sắp đến sau hiện tại, những gì cá nhân mong muốn hướng đến, ước mơ, kì vọng, định hướng mục tiêu, xác định những mẫu hình lý tưởng của cá nhân. FB cho phép SV thể hiện HACT tương lai qua dòng trạng thái và hình ảnh đăng tải.

e. HACT - năng lực

Là bức tranh chủ quan phản ánh tổ hợp thuộc tính về khả năng, năng lực, kiến thức, kỹ năng... của cá nhân, phù hợp với yêu cầu của một hoạt động nhất định, đảm bảo cho hoạt động đó có hiệu quả. FB cho phép SV có thể bộc lộ HACT năng lực thông qua tính năng giới thiệu trên hồ sơ cá nhân, nội dung dòng trạng thái, hình ảnh đăng tải qua các bình diện: khả năng chung, tri thức, kiến thức, hiểu biết, khả năng/ năng lực cụ thể, học tập và định hướng năng lực nghề nghiệp.

g. HACT - tính cách

Là bức tranh chủ quan phản ánh những đặc điểm về nhân cách của cá nhân, thể hiện nét tính cách người dùng. FB, thông qua tính năng hồ sơ cá nhân, dòng trạng thái, hình ảnh đăng tải SV có thể bộc lộ HACT tính cách như: mạnh mẽ, hiền lành, cá tính...

2.3. Các yếu tố có liên quan đến HACT của SV qua facebook cá nhân

- Đặc điểm nhân khẩu - xã hội: giới tính, địa bàn (địa lý và đặc trưng văn hóa)

Giới tính là một tham số rõ ràng nhất trong ý niệm về cái tôi. Trong xã hội, nam và nữ được giáo dục và đối xử khác nhau. Bên cạnh đó, các nền văn hóa, vị trí địa lý (nơi sinh sống) khác nhau có ảnh hưởng đến sự thể hiện HACT của từng chủ thể. (Fivush,1992)

- Các yếu tố học tập - xã hội

Học lực và trải nghiệm xã hội đóng một vai trò quan trọng trong việc thể hiện HACT qua FB cá nhân. Một số cá nhân có học lực cao, mối quan hệ rộng, vai trò xã hội có uy tín cao có tác động thúc đẩy HACT của cá nhân đó phát triển theo hướng tích cực và ngược lại.

- *Đặc điểm sử dụng FB: Thời gian truy cập FB, chế độ bạn bè*

Với sự phong phú của các tính năng trên FB, sự thể hiện bản thân của người dùng trên FB rất đa dạng: cảm xúc, suy nghĩ, quan niệm sống, quan điểm chính trị... đến việc chia sẻ mình đang làm gì, với ai, ở đâu, khi nào... Do đó, các đặc điểm sử dụng FB sẽ có liên quan đến việc thể hiện HACT của SV.

- *Đặc điểm tâm lý cá nhân: tự đánh giá, cái tôi - sai lệch, hạnh phúc cá nhân*

Đặc điểm tâm lý cá nhân là những đặc điểm tâm lý quy định sự khác biệt giữa cá nhân này với cá nhân khác, có ảnh hưởng đến sự thể hiện HACT của SV.

- *Đặc điểm gia đình: con thứ, xuất thân*

Theo nghiên cứu của Dunn, J & Munn, P (1985), gia đình không chỉ ảnh hưởng tới trẻ thông qua sự nuôi dưỡng, giáo dục của cha mẹ mà còn qua mối quan hệ giữa anh chị em. Vì vậy, thứ tự sinh và xuất thân có ảnh hưởng đến sự thể hiện HACT của mỗi người.

Chương 3

TỔ CHỨC VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

3.1 Tổ chức nghiên cứu

3.1.1. Giai đoạn 1: Nghiên cứu lý luận

Xây dựng cơ sở lý luận cho đề tài nghiên cứu

3.1.2. Giai đoạn 2: Nghiên cứu thực tiễn

Ở giai đoạn này, luận án đã thực hiện một số bước sau đây:

a. *Thiết kế nghiên cứu thực tiễn*: Nghiên cứu sử dụng thiết kế định lượng kết hợp định tính trong đó ưu tiên định tính. Chọn mẫu nghiên cứu phù hợp gồm 204 SV tình nguyện tham gia nghiên cứu và 204 trang FB cá nhân của họ và xây dựng công cụ định lượng để thu thập các thông tin giải thích và các yếu tố cần thiết thông qua các biến số có thể có quan hệ với HACT trên FB của SV.

b. *Thu thập dữ liệu*: gồm 3 bước: Thu thập dữ liệu định lượng bằng bảng hỏi online qua công cụ Google drive. Xây dựng bộ mã định tính và thực hiện phỏng vấn sâu để làm rõ hơn về vấn đề nghiên cứu.

c. *Phân tích dữ liệu*: gồm 2 bước: Mã hóa dữ liệu trên facebook và phân tích dữ liệu định tính và định lượng.

d. *Nghiên cứu trường hợp*: Phân tích sâu 3 trang FB cá nhân để mô tả HACT của họ và các yếu tố có liên quan.

3.2. Phương pháp nghiên cứu

3.2.1. *Nghiên cứu tài liệu*: Chủ yếu được sử dụng trong nghiên cứu lý luận, bao gồm các giai đoạn như phân tích, tổng hợp, hệ thống hoá, khái quát hoá các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước.

3.2.2. *Bảng hỏi*: Thu thập các nội dung về thông tin cá nhân, thông tin về FB, các thông tin về việc sử dụng FB, bạn bè trên FB, cung cấp thông tin cá nhân trên FB, nhận thức việc sử dụng FB, cảm nhận hạnh phúc cá nhân, thang giá trị bản thân, thang cái tôi sai lệch.

3.2.3. Phương pháp trắc nghiệm: Sử dụng thang tự đánh giá Rogenberg (1965) để xem xét về tự đánh giá của SV.

3.2.4. Phương pháp nghiên cứu hồ sơ cá nhân: Facebook cá nhân là một dạng hồ sơ cá nhân đặc biệt. Đó là sự tổng hợp của nhiều kỹ thuật khác nhau: quan sát, nghiên cứu sản phẩm hoạt động, thu thập thông tin định tính dưới dạng chữ viết, dưới dạng hình ảnh, đồng thời thu thập các thông tin thể hiện cảm xúc qua các chức năng biểu cảm của FB, hệ thống mã hóa dữ liệu.

3.2.5. Nghiên cứu trường hợp

- Tiến hành nghiên cứu 3 trường hợp điển hình gồm: Mai Thị P.H (1996), Phạm Nguyễn H.L (1996), Mai G.L (1997).

- Các nội dung nghiên cứu: Mô tả chi tiết HACT của họ qua FB, đồng thời mô tả HACT thực tế bên ngoài. Mô tả điều kiện sống, học tập và các hoạt động. Chỉ ra đặc điểm mang tính so sánh của 2 HACT trên các mã định tính đã được xây dựng và sự ảnh hưởng của điều kiện sống và các yếu tố khác.

3.2.6. Phân tích dữ liệu

(1) Chuyển đổi dữ liệu: Dữ liệu thu thập từ bảng hỏi online được tự động chuyển vào phần mềm Excel theo Google driver. Sau đó dữ liệu này được chuyển đổi sang phần mềm SPSS, cấu trúc dữ liệu không thay đổi. Đối với thông tin đăng tải trên FB cá nhân dưới dạng từ ngữ được sao chép lại vào file dữ liệu ứng với từng mã số riêng còn với thông tin dưới dạng hình ảnh, không thể sao chép vào file dữ liệu nên được mã hóa trực tiếp trên file.

(2) Tính toán tạo biến số: Các dữ liệu sau khi mã hóa sẽ được chuyển thành dữ liệu định lượng dưới dạng các biến số định danh, trong đó, có đặc điểm được mã hóa sẽ được qui gán 1 điểm, không có đặc điểm được mã hóa sẽ được qui gán 0 điểm.

(3) Các phép phân tích thống kê: được dùng trong nghiên cứu là phân tích thống kê mô tả và phân tích thống kê suy luận.

(4) Phân tích dữ liệu định tính: được sử dụng chủ yếu là phân tích nội dung và phân tích hình ảnh.

Chương 4

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU THỰC TIỄN VỀ HÌNH ẢNH CÁI TÔI CỦA SINH VIÊN QUA FACEBOOK CÁ NHÂN

4.1. Thực trạng hình ảnh cái tôi của sinh viên qua Facebook cá nhân

4.1.1. Đánh giá chung

Bảng 4.12 Các khía cạnh của HACT chung từ tổng các chỉ báo

Các khía cạnh	Tỷ lệ %
Cái tôi nhận diện bề ngoài	100
Cái tôi xã hội	86,8
Cái tôi cảm xúc	51,0
Cái tôi tương lai	20,6
Cái tôi năng lực	52,5
Cái tôi hưởng thụ trải nghiệm	47,1
Cái tôi tính cách	20,6

Kết quả cho thấy, qua FB, HACT - nhận diện bề ngoài được tuyệt đối 100% SV thể hiện, gấp gần 5 lần so với HACT - tương lai và HACT - tính cách (đều là 20,6%). Xếp vị trí cao thứ 2 là HACT - xã hội với hơn 80% SV thể hiện và bộc lộ. Điều đặc biệt đáng chú ý xếp vị trí thứ 3 trong tổng số 7 khía cạnh của HACT được SV thể hiện qua FB cá nhân là HACT - năng lực, mặc dù có tỷ lệ thể hiện cao nhưng số liệu này không thể hiện được bản chất thật sự về việc thể hiện HACT - năng lực qua FB của SV. Ngoài ra, với gần 50% SV thể hiện HACT - hưởng thụ và trải nghiệm, đây là một tỷ lệ không nhỏ cho thấy việc bổ sung HACT - hưởng thụ và trải nghiệm để quan sát và nghiên cứu là một vấn đề đáng quan tâm, đặc biệt là với đối tượng SV - những người trẻ năng động và thích khám phá.

4.1.2. Biểu hiện cụ thể HACT trên từng khía cạnh

a. HACT - nhận diện bề ngoài

Bao gồm: những đặc điểm thể chất (giới tính, tuổi, hình thức bề ngoài), vật chất sở hữu, nơi sống và học tập. Sau khi mã hóa, dữ liệu được thống kê như sau:

Bảng 4.1. Phân bố các đặc trưng của HACT - nhận diện bề ngoài

Các đặc trưng HACT nhận diện bề ngoài		Nam	Nữ	Tổng
Cái tôi thể chất	Giới tính	96,2	90,8	92,4
	Tuổi	51,9	56,3	55,0
	Hình thức	62,9	71,9	69,1
Cái tôi vật chất		34,2	36,4	35,3
Nơi sống và học tập	Nơi sống	78,8	75,6	76,6
	Nơi học tập	86,5	73,9	77,8
Không thể hiện		0	0	0

Phần lớn SV thể hiện HACT nhận diện bề ngoài qua FB cá nhân nhìn chung là phản ánh thông tin thật. Các thông tin thật được nhiều người giới thiệu là ảnh của cá nhân, giới tính, tên FB, nơi sống và học tập. Thông tin ẩn của nhiều người là tuổi. Nhiều SV không thể hiện hình ảnh bản thân qua giới thiệu đồ vật của mình.

b. HACT - năng lực

Bao gồm: khả năng/năng lực nói chung, tri thức, kiến thức, sự hiểu biết, khả năng/ năng lực cụ thể, học tập và những định hướng đến năng lực nghề nghiệp. Sau khi mã hóa, dữ liệu được thống kê như sau:

Bảng 4.2. Tỷ lệ phân bố HACT - năng lực

Các đặc trưng	Dòng trạng thái	Ảnh	Hồ sơ cá nhân
Năng lực chung - nhận diện			42,2
Kiến thức	13,7	16,3	
Năng lực cụ thể	6,9	14,3	
Học tập - nghề nghiệp	26,1	10,8	
Không thể hiện	47,5		

Phần nhiều SV thể hiện HACT - năng lực qua FB cá nhân chủ yếu ở bình diện năng lực nhận diện chung chứ chưa thực sự cụ thể và mang tính cập nhật liên tục.

c. HACT - cảm xúc

Bao gồm những cảm xúc dương tính (hạnh phúc, vui vẻ, hài lòng...), cảm xúc âm tính (buồn chán, thất vọng, tức giận..., hiếu kỳ (gây cười, lạ lẫm, ngạc nhiên...)). Sau khi mã hóa, dữ liệu được thống kê như sau:

Bảng 4.3. Tỷ lệ thường xuyên đăng HACT - cảm xúc

Tỷ lệ thường xuyên đăng HACT - cảm xúc	Dòng trạng thái	Ảnh
Tự khai		
Cảm xúc dương tính (Hạnh phúc, vui vẻ, hài lòng)	44,1	57,4
Cảm xúc âm tính (buồn chán, thất vọng, tức giận...)	13,7	14,7
Hiếu kỳ (gây cười, lạ lẫm, ngạc nhiên...)	14,7	6,4
Thể hiện qua FB		

HACT cảm xúc	35,8	34,5
Không thể hiện	49,0	

Có những mâu thuẫn nhất định giữa những gì SV tự đánh giá về HACT - cảm xúc trên FB của họ với HACT - cảm xúc được đăng tải thực tế trên FB, trong đó hình ảnh đăng tải thể hiện nhiều cung bậc trạng thái âm tính hơn. Cảm xúc hiếm khi là cảm xúc được SV cho rằng mình ít thể hiện nhất. Tỷ lệ SV sử dụng hình ảnh để thể hiện cảm xúc của mình nhiều hơn tỷ lệ SV sử dụng dòng trạng thái. SV thể hiện nhiều HACT - cảm xúc và với tần suất lớn nhất.

d. HACT - xã hội

Bảng 4.4. Phân bố các đặc trưng của HACT - xã hội

Các đặc trưng		Hồ sơ cá nhân	Dòng trạng thái	Ảnh
Quan hệ xã hội	Bạn bè, người yêu, cộng đồng	48,5	33,3	42,4
	Gia đình	53,2	15,1	10,3
Quan điểm, thái độ	Chính trị - xã hội	7,0	24,5	22,3
	Quan điểm sống	28,4		
	Quan điểm tôn giáo	19,9		
Không thể hiện		13,2		

HACT - xã hội được nhiều SV thể hiện thông qua nhiều chức năng khác nhau của FB, trong đó hồ sơ cá nhân và đăng ảnh là hai chức năng được sử dụng nhiều nhất. SV thể hiện mối quan hệ bạn bè nhiều hơn là mối quan hệ trong gia đình. Đa số SV lựa chọn chia sẻ những điều liên quan đến cách sống, ứng xử, định hướng phát triển

cá nhân và liên quan đến công việc hơn là quan điểm, thái độ chính trị - xã hội và tôn giáo.

e. HACT - tương lai

Bảng 4.10. HACT - tương lai thể hiện qua các chức năng khác nhau của FB

HACT - tương lai	Hồ sơ cá nhân	Dòng trạng thái	Ảnh
Nam	21,9	11,3	11,9
Nữ	22,7		
Không thể hiện	79,4		

Phần lớn SV được khảo sát chưa chú ý đến việc thể hiện HACT - tương lai qua FB. Điểm nổi bật phát hiện về HACT - tương lai trên FB của SV (*dự định, hoài bão, ước mơ, kế hoạch, nghề nghiệp tương lai*) ở SV thể hiện còn mờ nhạt.

f. HACT - tính cách

HACT tính cách thường bộc lộ những khía cạnh mỗi cá nhân cho là hay, tốt đẹp, nổi bật hoặc ấn tượng về bản thân mình. Mặc dù, HACT - tính cách không được nhiều SV bộc lộ trên hồ sơ cá nhân trên FB của mình, nhưng nếu đã thể hiện thì mang tính bản sắc rõ nét.

g. HACT - hưởng thụ và trải nghiệm

Tỷ lệ thể hiện cái tôi hưởng thụ và trải nghiệm cuộc sống khá cao, với hơn 1/2 số người được hỏi. HACT - hưởng thụ và trải nghiệm cuộc sống được SV thể hiện trên ảnh và trên dòng trạng thái gần như tương đương nhau. Với lần lượt 25,6% và 22,7% SV chia sẻ cái tôi hưởng thụ và trải nghiệm cuộc sống thông qua chức năng đăng ảnh; 20,1% và 22,6% SV chia sẻ cái tôi hưởng thụ và trải nghiệm cuộc sống thông qua chức năng đăng dòng trạng thái.

Bảng 4.11. Sự bộc lộ HACT hưởng thụ và trải nghiệm cuộc sống

Các đặc trưng	Dòng trạng thái	Ảnh
Hưởng thụ	20,1	25,6
Trải nghiệm cuộc sống	22,6	22,7
Không thể hiện trên cả hai chức năng		
Hưởng thụ	53,6	
Trải nghiệm cuộc sống	53,1	
Chung	47,1	

4.2. Mối quan hệ giữa HACT của SV qua FB với các yếu tố

Nghiên cứu tìm hiểu các yếu tố có liên quan đến HACT ở các khía cạnh: các yếu tố nhân khẩu địa lý, các yếu tố học tập - xã hội, các yếu tố sử dụng FB và các đánh giá về bản thân. Việc tìm hiểu các mối quan hệ này cho phép xác định HACT được trình bày ở trên có thể chịu tác động của các yếu tố nào.

Kết quả chỉ ra rằng HACT của SV được thể hiện đa dạng hay không trên FB cá nhân có liên quan nhiều hơn với các yếu tố:

Mức độ tham gia hoạt động xã hội: Ảnh hưởng đến việc thể hiện HACT - xã hội, HACT - cảm xúc, HACT - năng lực, HACT - hưởng thụ, trải nghiệm.

Thứ tự sinh của SV: Ảnh hưởng đến việc thể hiện HACT - xã hội, HACT - tính cách, HACT - hưởng thụ, trải nghiệm.

Sự thiết lập chế độ bạn bè ảnh hưởng đến việc thể hiện HACT - nhận diện bề ngoài, HACT - cảm xúc, HACT - tương lai, HACT - hưởng thụ, trải nghiệm.

Cảm nhận hạnh phúc chủ quan: Càng cảm thấy hạnh phúc họ càng thể hiện nhiều hơn về HACT của mình ở các khía cạnh: HACT

- xã hội, HACT - cảm xúc, HACT - hình thức và HACT - hưởng thụ - trải nghiệm.

Việc thể hiện HACT của SV qua FB cá nhân liên quan ít với: giới tính, học lực, chức vụ tham gia ở lớp, trường, thời gian truy cập FB, tự đánh giá và không liên quan với: xuất thân, quan hệ bạn bè, cái tôi - sai lệch.

4.3. Nghiên cứu trường hợp về HACT của SV qua Facebook cá nhân

Sau khi nghiên cứu sâu ba trường hợp điển hình và đối chiếu việc thể hiện HACT của họ qua FB và ngoài đời thật, có thể thấy có sự tương đồng nhưng cũng có sự khác biệt theo từng mặt khác nhau. Những khía cạnh được thể hiện gần như tương đồng với nhau là HACT - nhận diện bề ngoài (ở các biểu hiện như: giới tính, nơi sống và học tập), HACT - xã hội (ở mối quan hệ bạn bè và gia đình) và HACT - hưởng thụ, trải nghiệm. Những điểm thể hiện có phần khác nhau là HACT - năng lực, HACT - tương lai, HACT xã hội (ở việc thể hiện quan điểm xã hội, cuộc sống) và HACT - cảm xúc. Rất có thể, thông qua FB, có những SV thường muốn bù đắp những mặt/ khía cạnh mà họ bị thiếu hụt ngoài đời thật nên họ có xu hướng thể hiện cường điệu những mặt/ khía cạnh đó để cảm thấy mình cân bằng và hoàn thiện hơn.

KẾT LUẬN - KHUYẾN NGHỊ

Xuất phát từ kết quả nghiên cứu đề tài, có thể rút ra các kết luận và kiến nghị sau:

1. Kết luận

(1) Nghiên cứu lý luận cho thấy HACT của SV qua FB cá nhân là *bức tranh chủ quan phản ánh tập hợp những ý niệm về chính bản thân những người đang theo học ở các trường đại học, cao đẳng, được giới thiệu qua trang FB cá nhân của riêng họ.*

HACT mang tính chủ quan bởi nó là sản phẩm của thế giới tinh thần của chủ thể. HACT qua FB là một hình ảnh bản thân chủ thể muốn trình ra, giới thiệu cho cộng đồng mạng, và đó là những hình ảnh mang tính chọn lọc, những gì mà chủ thể muốn đăng tải.

(2) Kết quả nghiên cứu cho thấy, qua FB cá nhân, HACT của SV được thể hiện với mức độ đậm nhạt khác nhau. Như vậy, dù là mạng ảo, nhưng với những thông tin được cung cấp thì người khác có thể nhận diện được HACT của chủ nhân ở mức độ nhất định tùy từng người. Các sắc thái của mỗi người là rất khác nhau, người muốn thể hiện mặt này, người lại thích thể hiện mặt khác. Có người thể hiện nhiều mặt, có người lại thể hiện ít mặt cho người khác thấy.

Nhìn chung, HACT - xã hội (các mối quan hệ xã hội, thái độ xã hội, quan điểm sống, quan điểm chính trị và tôn giáo), HACT - nhận diện bề ngoài (các đặc điểm hình thức, nhận dạng về giới tính, tuổi, nơi chốn...) được thể hiện khá rõ nét, còn HACT - tính cách (đặc điểm nhân cách) và HACT - tương lai (dự định, hoài bão, ước mơ, kế hoạch, nghề nghiệp tương lai) ở SV thể hiện còn mờ nhạt.

(3) Kết quả cho thấy, cấu trúc HACT của SV qua FB cá nhân có 7 mặt: *HACT - nhận diện bề ngoài, HACT - xã hội, HACT - cảm xúc, HACT - tương lai, HACT - năng lực, HACT - tính cách và*

HACT hưởng thụ - trải nghiệm. Trong số này có mặt cuối cùng là phát hiện mới của luận án so với lý thuyết về cấu trúc 6 mặt của HACT. Điều đó cho thấy sự phong phú hơn của HACT trên mạng xã hội so với cấu trúc lý thuyết về HACT.

(4) HACT trên FB phản ánh cái tôi ngoài đời thực của người dùng, nhưng đó là hình ảnh có tính chọn lọc. SV chủ yếu cung cấp những khía cạnh tốt đẹp của bản thân trên FB. Hầu hết HACT được SV thể hiện là những HACT dương tính với những đặc điểm như nổi bật, đẹp, vui vẻ, cuộc sống hưởng thụ, vui chơi, cảnh đẹp, đồ đẹp, nhiều trải nghiệm hoạt động, đi đây, đi đó. Còn những gì học được, biết được từ cuộc sống, hay những thiếu hụt của bản thân để làm động lực học tập ít được chia sẻ.

(5) Những đặc điểm nổi bật của HACT của SV qua FB ở từng khía cạnh cụ thể là:

- SV thể hiện *HACT - nhận diện bề ngoài* trên FB khá cụ thể, đa phần là phản ánh các thông tin thật như ảnh đại diện, tên FB, giới tính, nơi sống và học tập. Những thông tin ẩn với nhiều người đó là tuổi và các sở hữu vật chất. Vẫn còn một số SV chưa bộc lộ hình ảnh bản thân đầy đủ và minh bạch.

- Ở *HACT - cảm xúc*, SV thể hiện đầy đủ các cung bậc cảm xúc: âm tính, dương tính, hiếu kì, đa dạng với các mức độ và sắc thái khác nhau. Theo SV tự đánh giá thì thường thể hiện những cảm xúc dương tính hơn âm tính. Tuy nhiên, qua quan sát trực tiếp những gì SV đăng tải trên FB thì dường như cảm xúc âm tính lại nổi trội hơn.

- Về *HACT - xã hội*, SV có xu hướng bộc lộ HACT trong các mối quan hệ bạn bè thông qua FB nhiều hơn là việc chia sẻ HACT trong mối quan hệ gia đình. Quan điểm sống được thể hiện nhiều hơn quan điểm, thái độ chính trị xã hội.

- *HACT - hưởng thụ và trải nghiệm* cuộc sống được SV thể hiện khá sinh động qua các hoạt động như du lịch, ăn uống, giải trí, đi chơi cùng bạn bè. Một số cũng thể hiện những trải nghiệm trong các chiến dịch tình nguyện cùng các kỉ niệm đáng nhớ qua chuyến đi mà lần đầu tiên có dịp thực hiện.

(6) Kết quả chỉ ra rằng HACT được thể hiện đa dạng hay không trên FB cá nhân có liên quan nhiều hơn với các yếu tố: mức độ tham gia hoạt động xã hội, thứ tự sinh của SV, sự thiết lập chế độ bạn bè, cảm nhận hạnh phúc chủ quan. Chúng liên quan ít hơn với: giới tính, học lực, chức vụ tham gia ở lớp, trường, thời gian truy cập FB, tự đánh giá và không liên quan với: xuất thân, quan hệ bạn bè, cái tôi sai lệch.

(7) Nghiên cứu trường hợp cho thấy có sự chênh lệch nhất định giữa HACT trên FB và HACT ngoài đời thực. Những khía cạnh được thể hiện gần như tương đồng với nhau là HACT - nhận diện bề ngoài (ở các biểu hiện như: giới tính, nơi sống và học tập), HACT - xã hội (ở mối quan hệ bạn bè và gia đình) và HACT - hưởng thụ, trải nghiệm. Những điểm thể hiện có phần chênh lệch là HACT - năng lực, HACT - tương lai và HACT - cảm xúc.

2. Khuyến nghị

2.1. Đối với SV

- Cần rèn luyện kỹ năng sử dụng internet nói chung và mạng xã hội nói riêng một cách hiệu quả để có thể giới thiệu HACT của mình một cách hiệu quả trên FB nhưng vẫn đảm bảo an toàn về thông tin cá nhân cho bản thân.

- Cần dành thời gian tham gia nhiều hoạt động như trau dồi kiến thức, rèn luyện thể thao, âm nhạc, đi du lịch, đọc sách, trải nghiệm những

sân chơi mới... để trau dồi thêm kiến thức, kỹ năng ở nhiều lĩnh vực. Từ đó, có dữ liệu để xây dựng HACT - năng lực tích cực.

- Cần rèn luyện kỹ năng thể hiện cá tính để có thể giới thiệu cái tôi tính cách thực tế của mình, chứ không phải chỉ là những cá tính được mọi người mong đợi hoặc đánh giá cao.

- Cần rèn luyện kỹ năng thể hiện quan điểm của bản thân để xây dựng cái tôi xã hội trên bình diện quan điểm, thái độ hiệu quả hơn trong cuộc sống và trên mạng xã hội.

- Cần tìm hiểu và quan tâm hơn nữa đến tình hình chính trị, xã hội của đất nước và thể hiện HACT sao cho phù hợp.

- Cần rèn luyện kỹ năng lập kế hoạch và xây dựng mục tiêu tương lai để có thể xây dựng cái tôi tương lai phù hợp với năng lực, sở thích của bản thân cũng như nhu cầu của xã hội.

- Sắp xếp thời gian hiệu quả để cân bằng giữa các hoạt động hưởng thụ, trải nghiệm và các hoạt động khác để phát triển HACT.

- Cần rèn luyện kỹ năng làm chủ cảm xúc để thể hiện cái tôi cảm xúc một cách tích cực và chân thực.

- Trong việc nhận xét, đánh giá HACT của người khác, SV cần kết hợp cả việc đánh giá thông qua FB và cuộc sống ngoài đời thực để có được cái nhìn đúng đắn.

- Cần xây dựng thái độ tự tin vào bản thân để có thể thể hiện được cả ưu điểm và hạn chế của mình, nhằm giới thiệu HACT một cách chân thực tạo cơ hội cho bản thân.

- Cần rèn luyện kỹ năng xây dựng HACT và giới thiệu hình ảnh bản thân một cách hiệu quả cả trong đời thực và trên MXH.

- Tìm hiểu yêu cầu của nghề nghiệp và nhà tuyển dụng để có kế hoạch xây dựng HACT một cách phù hợp nhằm chinh phục nhà tuyển dụng ngay từ giai đoạn sinh viên.

2.2. Đối với trường đại học và các tổ chức có liên quan

- Tổ chức các buổi hội thảo chuyên đề về FB và hướng dẫn việc sử dụng FB một cách tích cực, an toàn, hiệu quả.

- Đẩy mạnh công tác Đoàn - Hội, CLB - đội nhóm trong trường học, các CLB - tổ chức tại các trung tâm, nhà văn hóa để SV có môi trường rèn luyện thường xuyên, bổ ích nhằm giúp SV xây dựng cái tôi - xã hội tích cực.

- Tuyên truyền và tạo điều kiện tăng cường các loại hình giải trí tích cực khác như đi du lịch, đọc sách, chơi thể thao... nhằm giúp SV xây dựng cái tôi - khả năng phong phú, tích cực.

- Đẩy mạnh công tác bồi dưỡng cho SV các kiến thức, kỹ năng xây dựng và thể hiện HACT hiệu quả.

- Kết nối SV với nhà tuyển dụng để giúp SV tìm hiểu được yêu cầu của các đơn vị tuyển dụng để SV có định hướng trong việc xây dựng HACT của mình một cách phù hợp.

- Tổ chức các khóa học kỹ năng giúp học sinh trau dồi các kỹ năng như: quản lý cảm xúc, lập kế hoạch, xây dựng mục tiêu, quản lý thời gian... để góp phần xây dựng HACT tích cực.

- Tạo nhiều cơ hội để SV được chủ động tìm hiểu, thể hiện ý kiến, quan điểm cá nhân về các vấn đề chính trị xã hội như câu lạc bộ tranh biện để giúp SV có thái độ tích cực với thời cuộc và đất nước.

DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ

1. Đào Lê Hòa An (2016), Sự thể hiện hình ảnh cái tôi trên facebook, Tạp chí Tâm lý học xã hội (tháng 8/2016)

2. Đào Lê Hòa An (2016), Hình ảnh cái tôi – nhận diện qua hồ sơ cá nhân trên facebook của sinh viên, Tạp chí Tâm lý học xã hội (tháng 9/2016)